

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/LĐ-PT
Ngày: 03 - 09 - 2020
V/v tranh chấp về trường hợp
đơn phương chấm dứt hợp
đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Lực.
Ông Phan Trí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Đạo Phú Quý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 09 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLPT-LĐ ngày 03 tháng 08 năm 2020 về “tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 01/2020/LĐ-ST ngày 02/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXPT-LĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Q.X.H, sinh năm 1984; nơi thường trú: Thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty M; trụ sở: Thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà T.N.T.G, sinh năm 1993 và bà B.H.T.T, sinh năm 1989; cùng địa chỉ liên hệ: Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (giấy ủy quyền ngày 18 tháng 5 năm 2020), có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Q.X.H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 7 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26 tháng 11 năm 2019, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Q.X.H trình bày:

Ngày 01 tháng 12 năm 2017, ông Q.X.H vào làm việc tại công ty TNHH Behn Meyer VN (gọi tắt là công ty). Ông Q.X.H và công ty ký hợp đồng lao động xác định thời hạn số BM245 ngày 01 tháng 12 năm 2017, thời hạn hợp đồng là 01 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2017 đến 30 tháng 11 năm 2018, chức danh là nhân viên hành chính, mức lương 11.000.000 đồng/tháng.

Đến ngày 01 tháng 12 năm 2018, giữa ông Q.X.H và công ty ký “phụ lục hợp đồng” số 11/2018 với nội dung thay đổi thời hạn hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng lao động mới sau khi điều chỉnh là: “Hợp đồng xác định thời hạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2018 đến ngày 31 tháng 5 năm 2019”, mức lương là 11.340.000 đồng/tháng. Các điều khoản của hợp đồng số BM245 không thay đổi.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, Công ty ra thông báo chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2019 lý do là hết hạn hợp đồng lao động. Ngày 30 tháng 5 năm 2019 công ty ban hành Quyết định về việc thanh lý hợp đồng và biên bản thanh lý hợp đồng lao động. Ông Q.X.H đã ký nhận vào biên bản này và bàn giao công việc, rời khỏi công ty vào ngày 31 tháng 5 năm 2019. Nhận thấy, thông báo về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 01/2019 ngày 14 tháng 5 năm 2019 của công ty là trái quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Q.X.H. Do đó, ông Q.X.H khởi kiện yêu cầu Công ty phải thanh toán như sau:

Bồi thường 02 tháng tiền lương do chấm dứt hợp đồng không đúng quy định của pháp luật với số tiền: $11.340.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 22.680.000 \text{ đồng}$.

Thanh toán tiền lương trong thời gian không được làm việc (từ tháng 6/2019 đến tháng 06/2020): $11.340.000 \text{ đồng} \times 13 \text{ tháng} = 147.420.000 \text{ đồng}$.

Thanh toán 10,5 ngày phép (ông Q.X.H không tính được số tiền cụ thể) và công ty không nhận ông trở lại làm việc phải thanh toán 03 tháng tiền lương là 34.020.000 đồng.

Tổng cộng ông Q.X.H yêu cầu công ty phải thanh toán số tiền 204.120.000 đồng.

Yêu cầu Tòa án tuyên phụ lục hợp đồng số 11/2018, ký ngày 01 tháng 12 năm 2018 giữa Công ty M và ông Q.X.H là trái pháp luật.

Yêu cầu công ty phải ký hợp đồng lao động mới giữa Công ty M và ông Q.X.H là hợp đồng lao động không xác định thời hạn có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.

Yêu cầu Tòa án xác định việc Công ty M chấm dứt hợp đồng lao động với ông Q.X.H là không đúng quy định pháp luật.

** Trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Bị đơn thống nhất với nguyên đơn về thời gian ký kết hợp đồng lao động, phụ lục hợp đồng lao động, loại hợp đồng, mức lương và vị trí công việc.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, Công ty và ông Q.X.H đã đồng ý ký kết biên

bản thanh lý hợp đồng lao động. Theo đó, công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông Q.X.H kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2019. Công ty đã thực hiện tất cả các nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo nội dung ghi tại biên bản thanh lý hợp đồng lao động trên.

Công ty và ông Q.X.H đã đồng ý ký kết phụ lục hợp đồng để gia hạn thời gian làm việc. Theo đó, thời gian làm việc của ông Q.X.H được kéo dài thêm 6 tháng đến ngày 31 tháng 5 năm 2019. Việc ký kết phụ lục hợp đồng hoàn toàn phù hợp với quy định của Điều 5 của Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ.

Khi thời gian làm việc gia hạn theo phụ lục hợp đồng gần kết thúc, công ty đã tuân thủ thời gian báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động do hết hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Lao động. Ngày 14 tháng 5 năm 2019, công ty đã ban hành Thông báo số 01/2019 về việc chấm dứt hợp đồng lao động và ông Q.X.H đã ký nhận thông báo này vào ngày 16 tháng 5 năm 2019 (tức trước 15 ngày trước ngày chấm dứt hợp đồng ngày 01 tháng 06 năm 2019).

Công ty đã chấm dứt hợp đồng lao động với ông Q.X.H theo đúng quy định tại khoản 1 (hết hạn hợp đồng lao động) và khoản 3 (hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động) của Điều 36 của Bộ luật Lao động và giải quyết quyền lợi cho ông Q.X.H khi chấm dứt hợp đồng lao động theo đúng Điều 47 của Bộ luật Lao động.

Công ty đã không vi phạm quy định của pháp luật trong việc chấm dứt quan hệ lao động với ông Q.X.H nên các yêu cầu nêu trên của ông Q.X.H là không có căn cứ pháp lý. Do đó, công ty không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q.X.H.

Bản án sơ thẩm số: 01/2020/LĐST ngày 02/06/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Q.X.H đối với bị đơn Công ty M về việc tranh chấp về trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

2. Về án phí: Nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí lao động sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 16/6/2020, Nguyên đơn làm đơn kháng cáo yêu cầu Hủy bản án số 01/2020/LĐ-PT ngày 02/06/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T với lý do phụ lục hợp đồng ký trái quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ y yêu cầu kháng cáo, không cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Bình Dương trình bày:

Về thủ tục phúc thẩm: Thẩm phán thụ lý vụ án cũng như Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng trình tự tố tụng.

Về nội dung: Nguyên đơn ông Q.X.H thừa nhận đã ký biên bản thanh lý hợp đồng và bàn giao công việc, nhận tiền thanh lý hợp đồng, rời công ty ngày 31 tháng 5 năm 2019. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không xuất trình chứng cứ mới. Căn cứ theo quy định tại các Điều 15, 16, 17, điểm b khoản 1 Điều 22, Điều 23 và khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Lao động đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm và nộp trong thời hạn quy định là phù hợp.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng:

Ông Q.X.H và công ty đã ký hợp đồng lao động xác định thời hạn một năm từ ngày 01/12/2017 đến ngày 30/11/2018. Ngày 01/12/2018 giữa ông Q.X.H và công ty thỏa thuận ký phụ lục hợp đồng lao động số 11/2018 nội dung là thay đổi thời hạn của hợp đồng và nâng mức lương. Theo đó, thời hạn của phụ lục hợp đồng được tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 31/5/2019 (06 tháng), mức lương từ 11.000.000 đồng lên 11.340.000 đồng còn các điều khoản khác của hợp đồng vẫn giữ nguyên. Các bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động là tự nguyện không có việc ép buộc. Phụ lục hợp đồng chỉ thay đổi thời hạn, mức lương, không thay đổi loại hợp đồng đã giao kết là thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động.

Hơn nữa, trước khi thời hạn phụ lục hợp đồng số 11/2018 kết thúc, công ty đã ban hành thông báo về việc chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày 14/5/2019 và thông báo cho ông Q.X.H được biết thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động với ông Q.X.H là vào ngày 01/6/2019. Ông Q.X.H nhận thông báo này vào ngày 16/5/2019 (tức là trước 15 ngày trước ngày chấm dứt hợp đồng lao động) và ký biên bản thanh lý hợp đồng ngày 30/05/2019 đồng thời nhận khoản tiền lương còn lại theo biên bản thanh lý hợp đồng.

Việc Công ty M chấm dứt hợp đồng lao động với ông Q.X.H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Lao động. Do vậy, kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 148; khoản 1, Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 22, 36 và Điều 47 của Bộ luật Lao động;

Áp dụng điều 5, khoản 5, điều 14 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Q.X.H đối với bị đơn Công ty M về việc tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, giữ y Bản án sơ thẩm số: 01/2020/LĐST ngày 02/06/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T như sau:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Q.X.H đối với bị đơn Công ty M về việc tranh chấp về trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

1.2. Về án phí: Nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí lao động sơ thẩm.

2. Về án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa LĐ, tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Minh Tấn

